TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 9-04-2018
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Huỳnh Tú.
Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.
2- Bà Nguyện Thị Nguyên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Văn Lưới – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1274/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2017 về "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Mã Thị Thu O, sinh năm: 1960; địa chỉ: 103/9B9 Văn Thân, phường 8, quận 6, TP. Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1964; địa chỉ: Nhà không số đối diện nhà số 48B/2A ấp 2, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh , TP. Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong xin ly hôn ngày 23 tháng 10 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mã Thị Thu O trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh H chung sống nhau từ năm 1982, đôi bên có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32P13 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường 13, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2001. Quá trình chung sống ông bà có 05 con chung tên: Mã Thị Mộng T1, nữ, sinh năm: 1983 (đã trưởng thành); Mã Thị Mộng T2, nữ, sinh năm: 1985 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Mộng Th1, nữ, sinh năm: 1986 (đã chết); Nguyễn Thị Mộng Th2, nữ, sinh năm: 1993 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Mộng Th3, nữ, sinh năm: 2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không quan tâm, chăm sóc gia đình. Nay tình cảm đối với nhau không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hiện tại các con đã trưởng thành, còn trẻ Th3 đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ Th3 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông xác nhận thời gian chung sống, mâu thuẫn, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung như lời trình bày của bà O. Nay bà O yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý vì vợ chồng đã ly thân được 15 năm và không còn tình cảm với nhau nữa.

Về con chung: Ông đồng ý giao trẻ Th3 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Bà Mã Thị Thu O yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H. Đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[3] Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5] Về hình thức: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 32P13 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường 13, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2001 thì giữa bà O và ông H là vợ chồng, được pháp luật công nhận.

[6] Về nội dung:

[7] Xét lời trình bày của bà O, ông H nhận thấy giữa bà với ông H trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên hôn nhân giữa đôi bên là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, ông H không quan tâm, chăm sóc cho gia đình nên bà O xin ly hôn và ông H cũng đồng ý ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà O là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về con chung: 05 con chung tên: Mã Thị Mộng T1, nữ, sinh năm: 1983 (đã trưởng thành); Mã Thị Mộng T2, nữ, sinh năm: 1985 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Mộng Th1, nữ, sinh năm: 1986 (đã chết); Nguyễn Thị Mộng Th2, nữ, sinh năm: 1993 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Mộng Th3, nữ, sinh ngày: 23/3/2001. Xét thấy trẻ Th3 đang được bà O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và nguyện vọng của trẻ Th3 muốn

được tiếp tục chung sống với bà O. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Th3 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[9] Ông H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[10] Về tài sản chung, nợ chung: Bà O, ông H khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[11] Về án phí: Bà O chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030684 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà O đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

1.1. Bà Mã Thị Thu O được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 32P13 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường 13, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2001 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Mộng Th3, nữ, sinh ngày: 23/3/2001 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà O, ông H khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà O chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà O đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030684 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà O đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM ;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND phường 13, Q.5;
- Lưu VP, hồ sơ.

LẠI HUỲNH TÚ